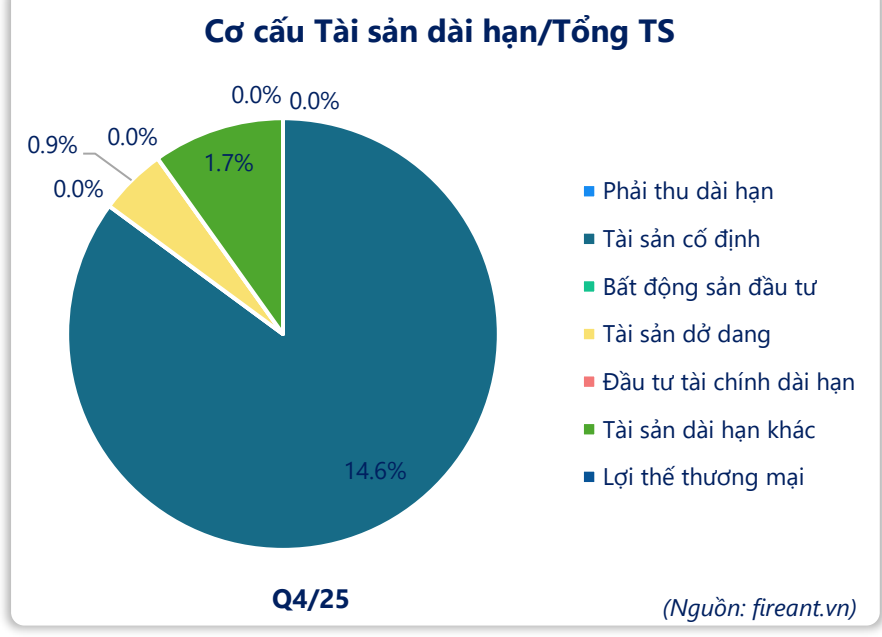
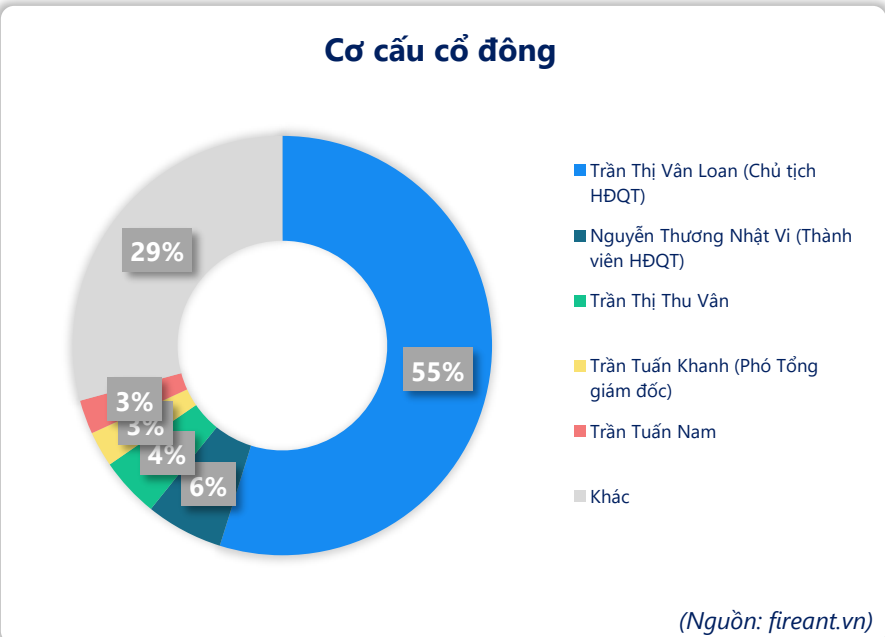
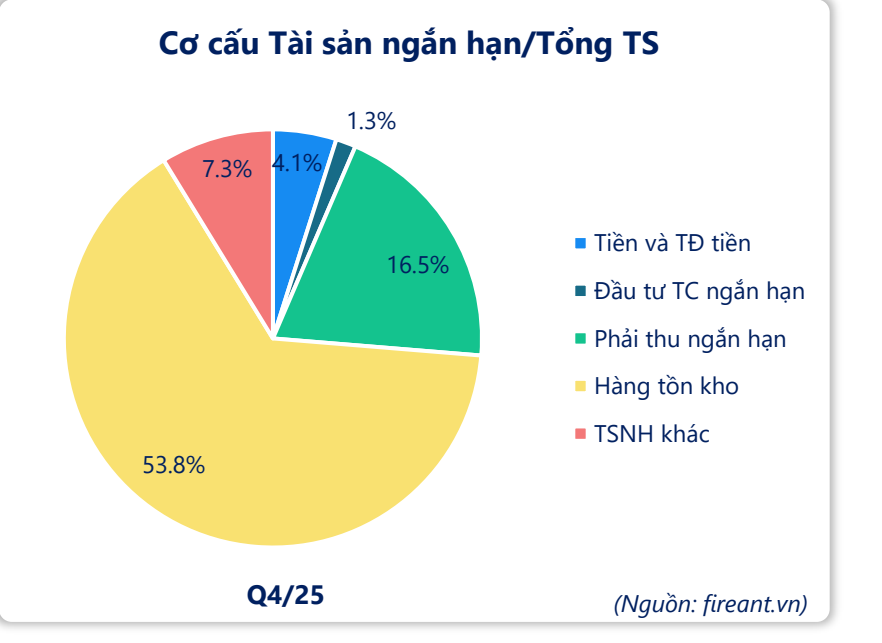
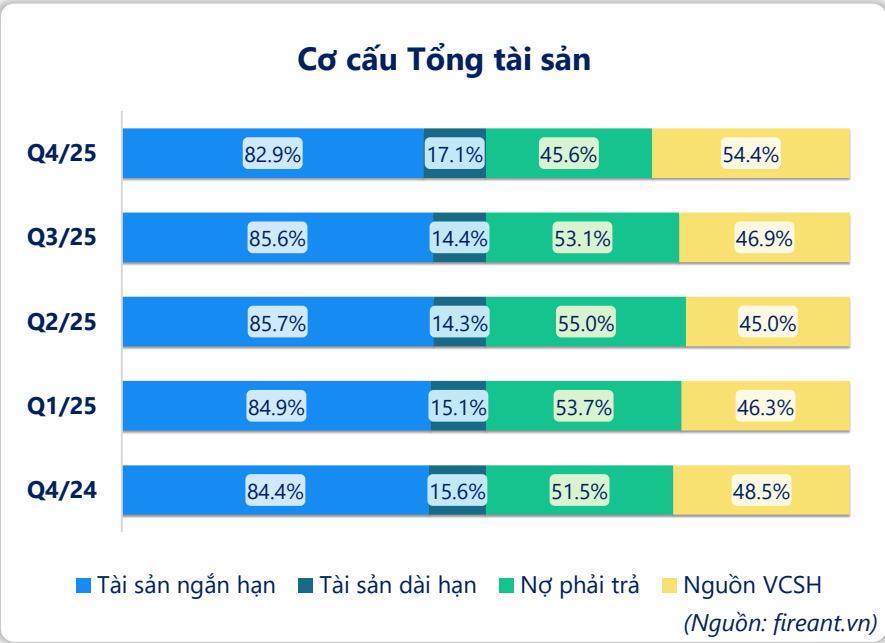
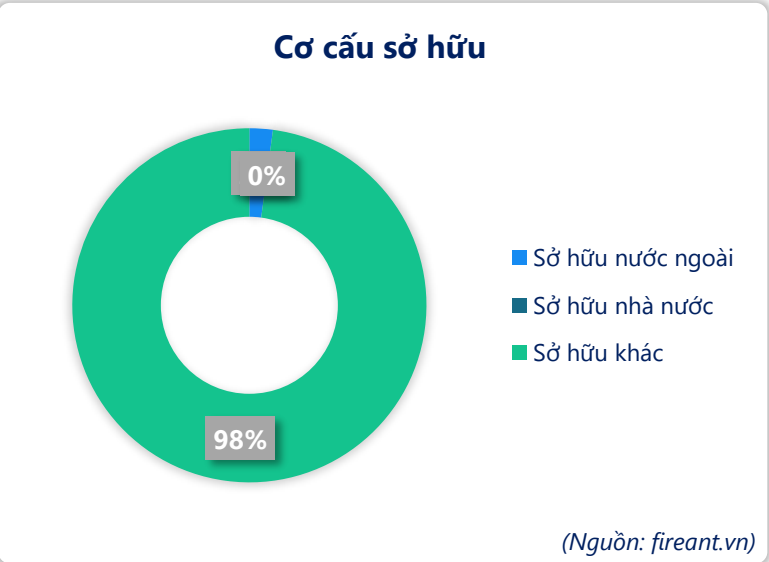
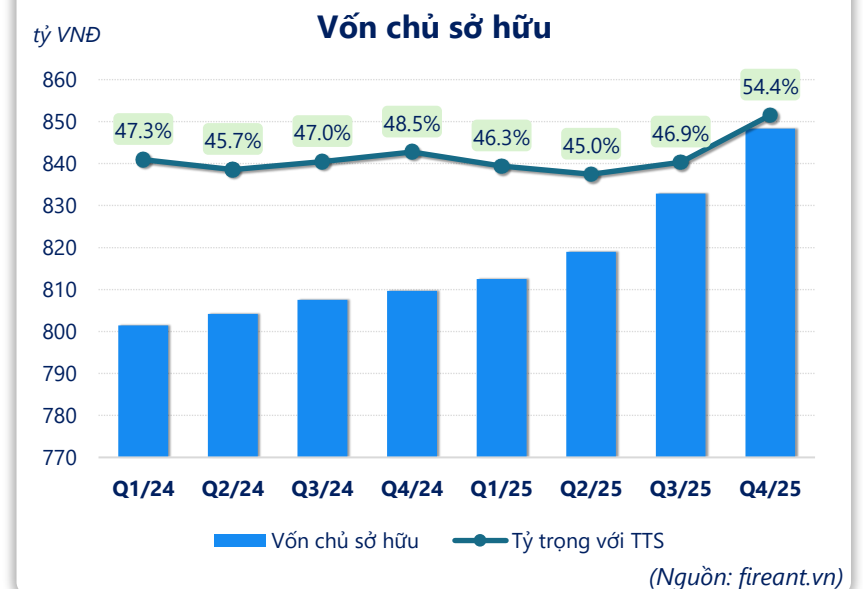
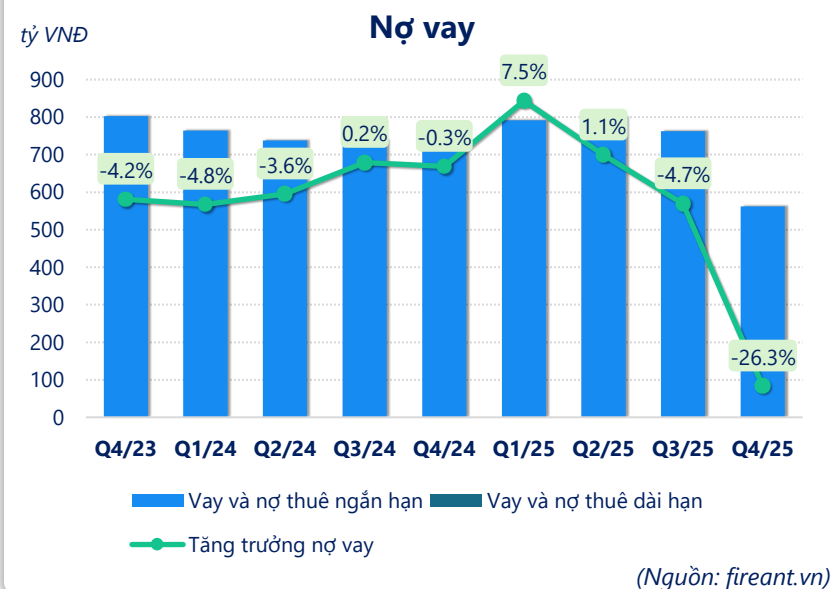
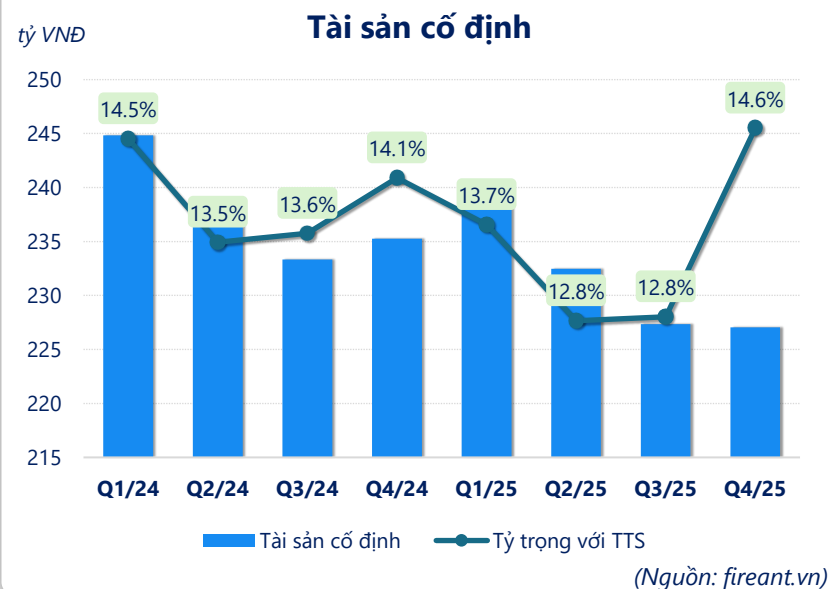
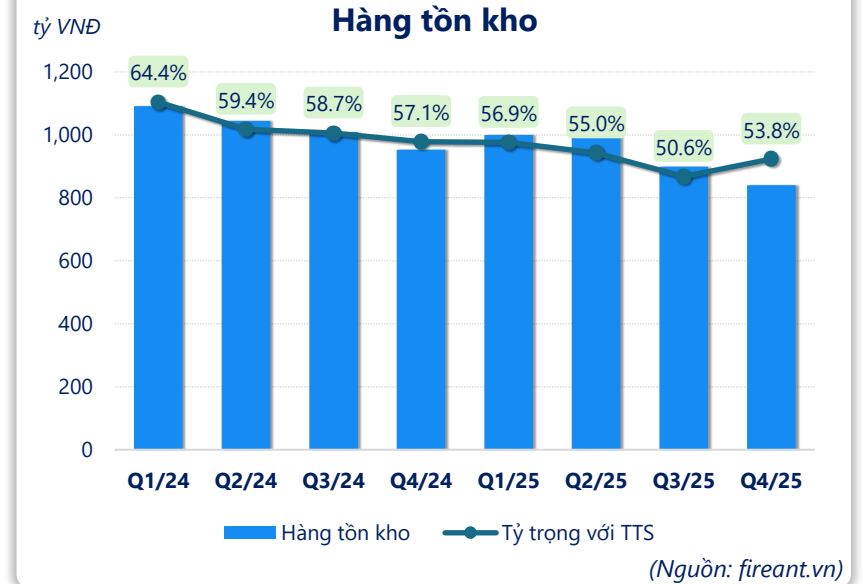
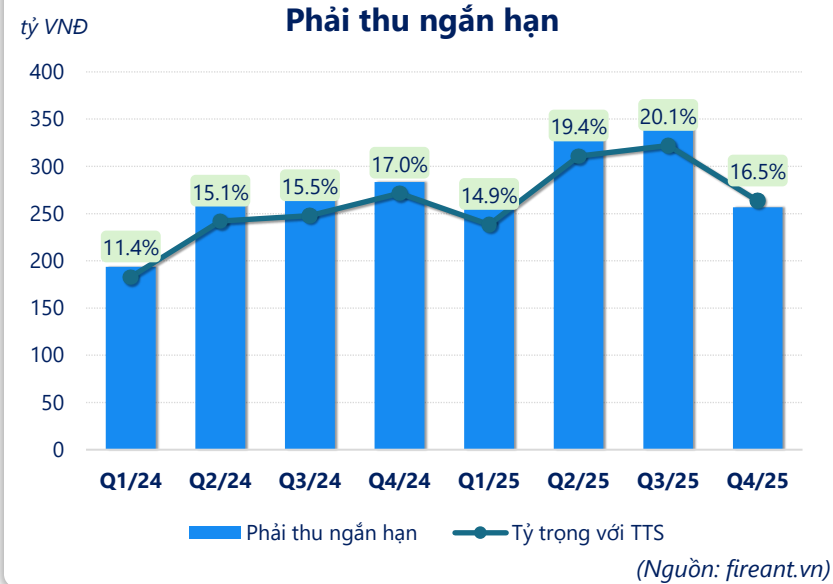
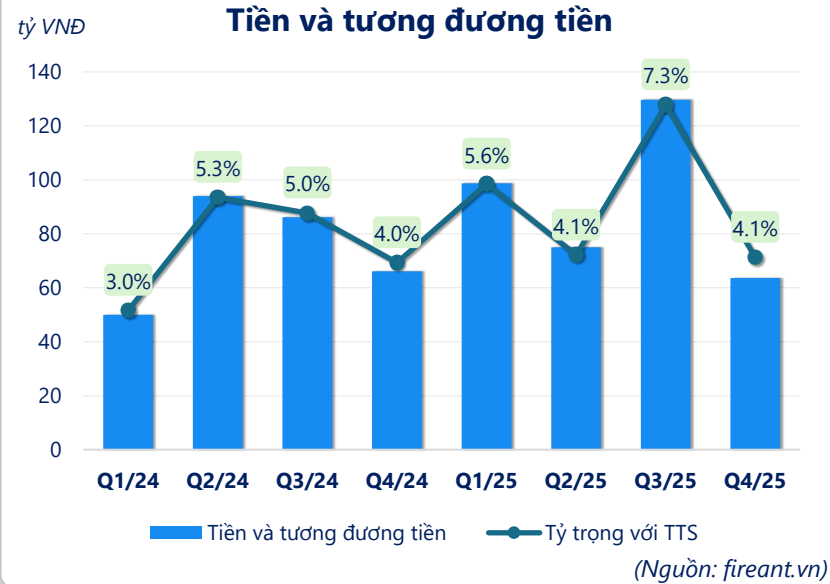
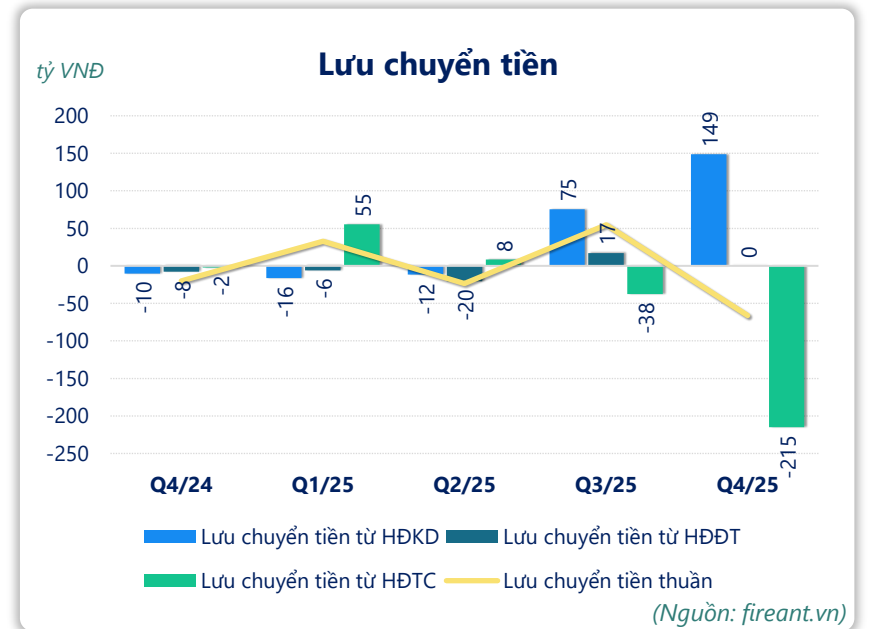
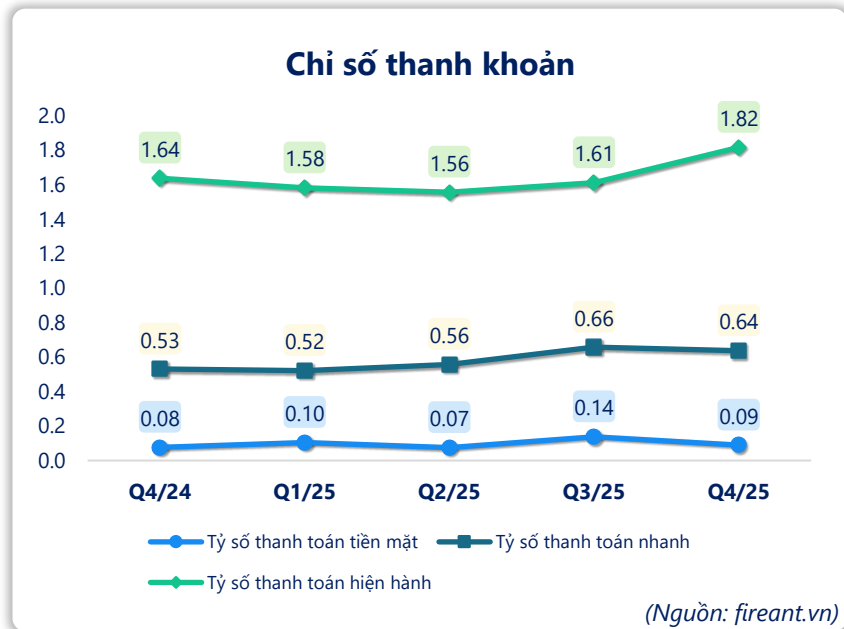
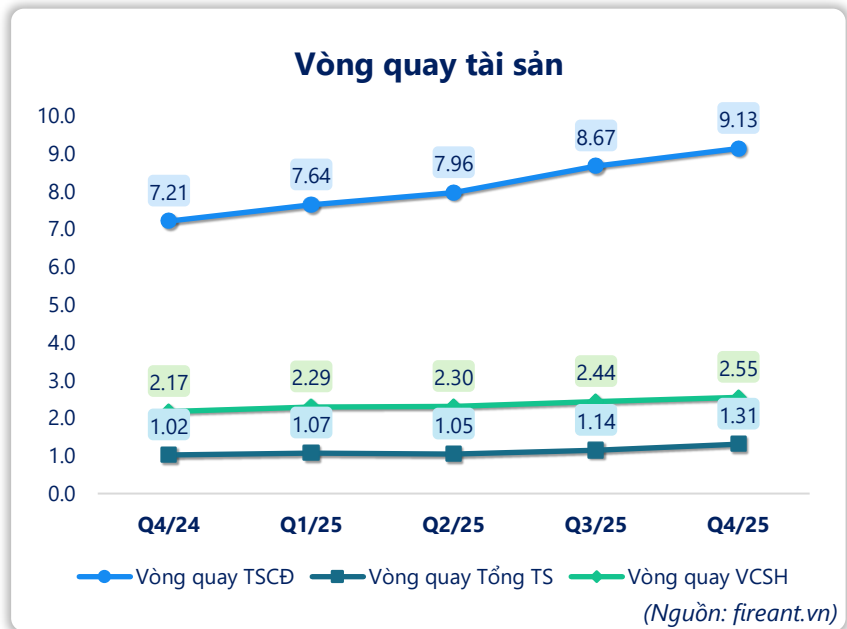
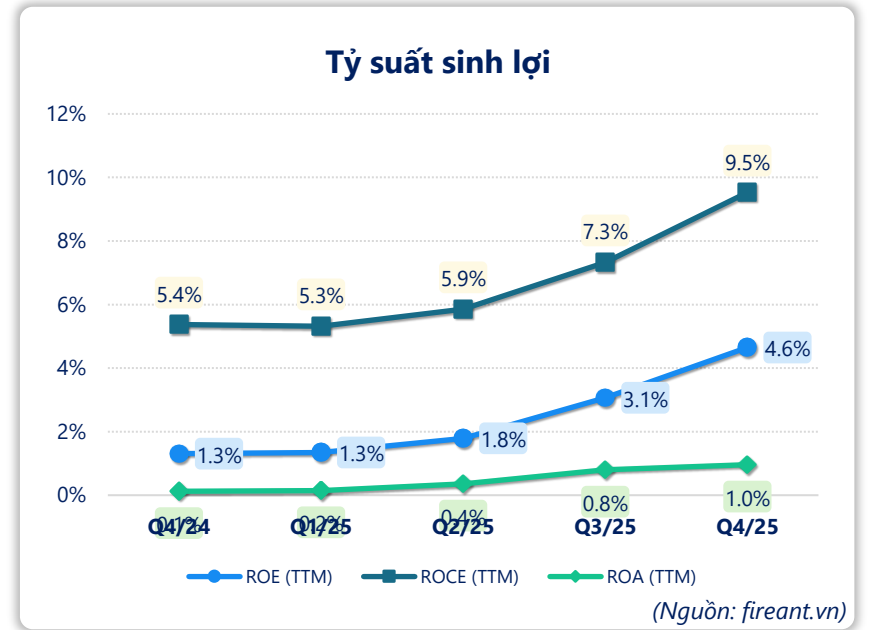
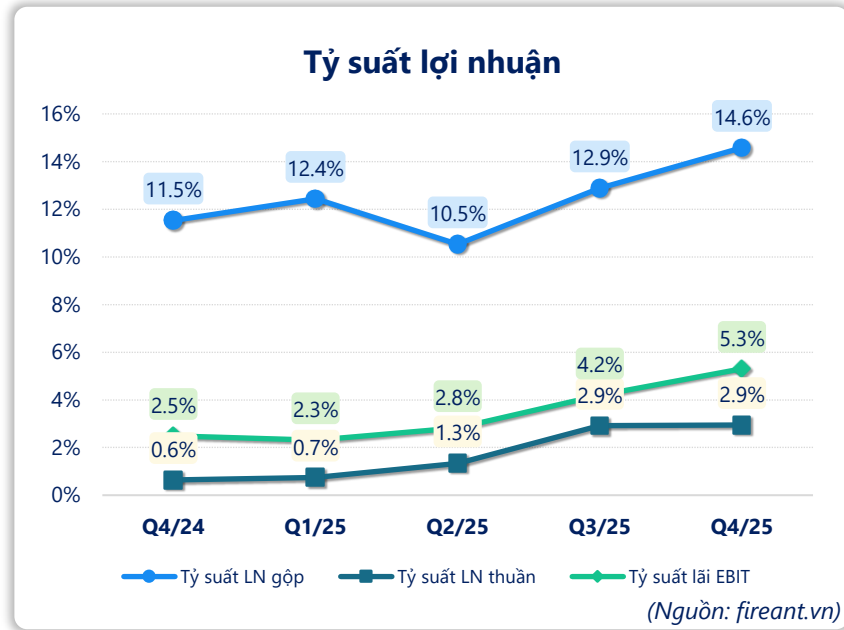
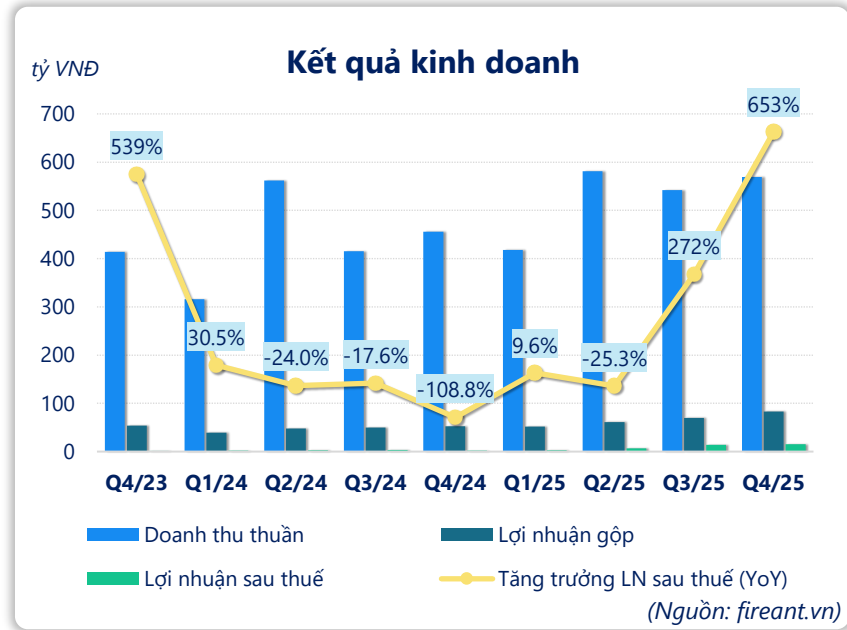


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,895
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,621
SL cổ phiếu LH		50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)		21,425
% sở hữu nước ngoài		2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		727
P/E		18.9
EPS		768

	YTD	1T	3T	6T
ACL	27.7%	-2.7%	13.0%	26.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,561	1,664	-6.2%
Tài sản ngắn hạn	1,294	1,404	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	63.6	66.1	-3.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	0	
Phải thu ngắn hạn	257	278	-7.5%
Hàng tồn kho	840	953	-11.9%
Tài sản ngắn hạn khác	113	107	6.2%
Tài sản dài hạn	267	260	2.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	227	235	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.4	10.3	29.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	26.3	13.8	90.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	712	854	-16.6%
Nợ ngắn hạn	712	854	-16.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	562	737	-23.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	91.1	69.5	31.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	848	810	4.7%
Vốn chủ sở hữu	848	810	4.7%
Vốn điều lệ	502	502	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	455	418	581	542	569
Giá vốn hàng bán	403	366	520	472	486
Lợi nhuận gộp	52.5	52.0	61.2	69.8	83.0
Doanh thu HĐTC	7.73	2.94	5.72	3.11	6.75
Chi phí TC	9.45	7.76	9.00	7.11	14.0
Chi phí lãi vay	8.60	6.78	8.77	6.93	13.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	37.3	28.9	33.3	33.3	47.9
Chi phí QLDN	10.6	15.2	16.8	16.7	11.1
LN thuần từ HĐKD	2.92	3.11	7.79	15.8	16.8
Lợi nhuận khác	-0.18	-0.23	-0.16	-0.02	-0.08
LN trước thuế	2.75	2.88	7.63	15.8	16.7
Lợi nhuận sau thuế	2.13	2.59	6.47	14.0	15.5
LNST của CĐ cty mẹ	2.13	2.59	6.47	14.0	15.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.1	-16.4	-11.7	75.4	149
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.90	-6.12	-20.4	17.0	0.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.08	55.2	8.45	-37.7	-215
Tiền đầu kỳ	86.2	66.1	98.7	75.0	130
Lưu chuyển tiền thuần	-20.1	32.6	-23.7	54.6	-66.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	0	0.00	0.00	0.03
Tiền cuối kỳ	66.1	98.7	75.0	130	63.6

(Nguồn: fireant.vn)